TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆTHẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 18/7/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TINH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Mai Văn Đảm
2. Bà Nguyễn Thị Hà

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên. .

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2023, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Minh T; Sinh năm: 1999
HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa (Đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

-*Bị đơn*: Anh Bùi Văn S; Sinh năm: 1999
HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2023 và bản tự khai cũng như quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/01/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được 01 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Vì con, chị đã cố gắng chịu đựng nhưng thời gian càng kéo dài khiến cho chị cảm thấy vô cùng mệt mỏi. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 11/2022 đến nay và vợ chồng đã sống ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thanh T, sinh ngày 27/7/2021. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu vẫn ở với chị. Nay ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã Tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh Bùi Văn S để nộp bản tự khai nhưng anh S không có mặt nên không có lời khai của anh S trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Minh T được ly hôn anh Bùi Văn S; Về con chung: Giao cháu Bùi Thanh T, sinh ngày 27/7/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh S không có mặt nên Tòa án đã mở phiên họp vắng mặt anh S và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh S theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh Sỹ đã được thông báo hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh S đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh S.

[5]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Minh T và anh Bùi Văn S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/01/2021 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn,

vợ chồng hòa thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Chị và anh S đã sống ly thân từ tháng 11/2022 đến nay, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Việc này, đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lê Thị Minh T được ly hôn anh Bùi Văn S.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thanh T, sinh ngày 27/7/2021. Xét thấy, cháu T đang còn rất nhỏ (chưa đủ 36 tháng tuổi), rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, từ lúc vợ chồng sống ly thân cháu luôn ở với mẹ. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh S cấp dưỡng nuôi con cùng chị T 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng.

[7]. Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị T và anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Minh T được ly hôn anh Bùi Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thanh T, sinh ngày 27/7/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Anh S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Minh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0008003 ngày 03/4/2023. Chị T đã nộp đủ tiền án phí. Anh S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Lê Thị Minh T và anh Bùi Văn S. Chị T và anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc